

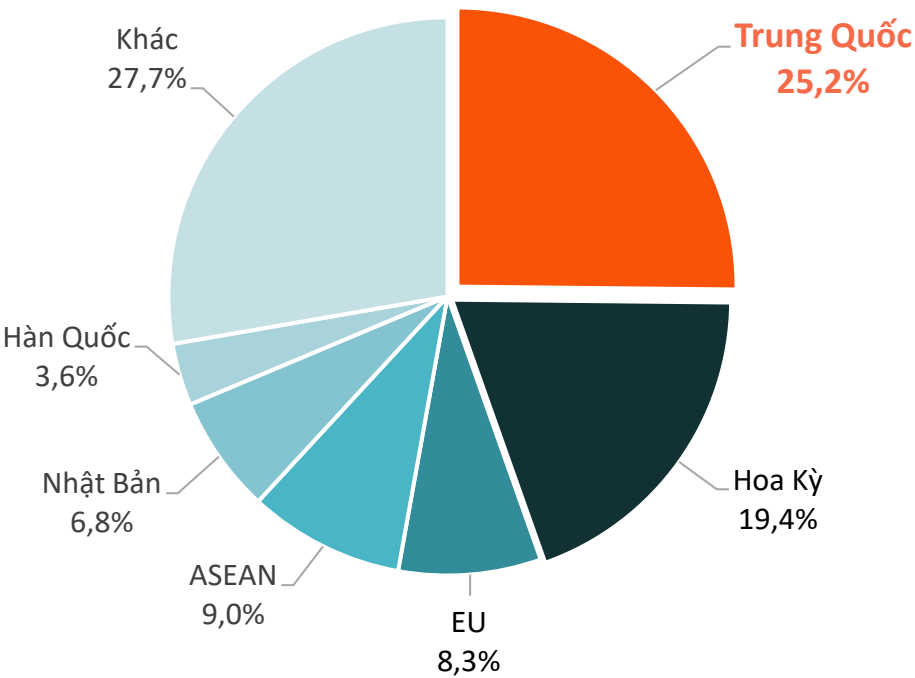
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 6/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc , T6/2026

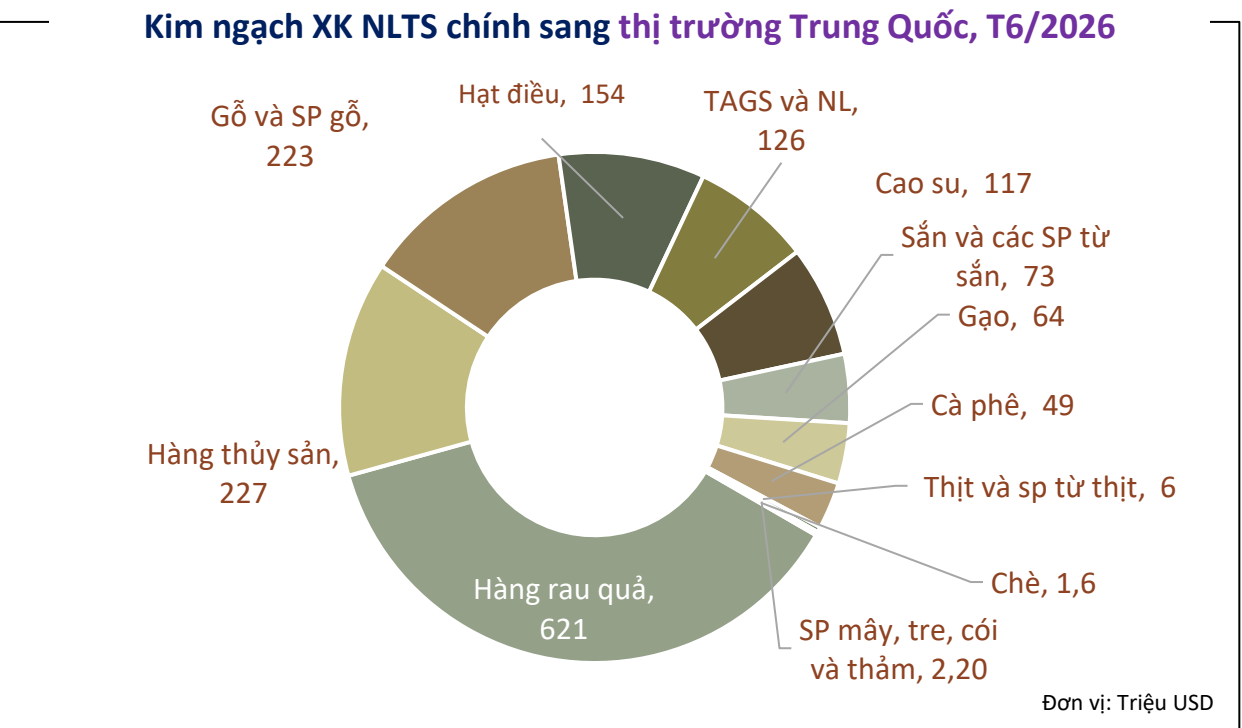
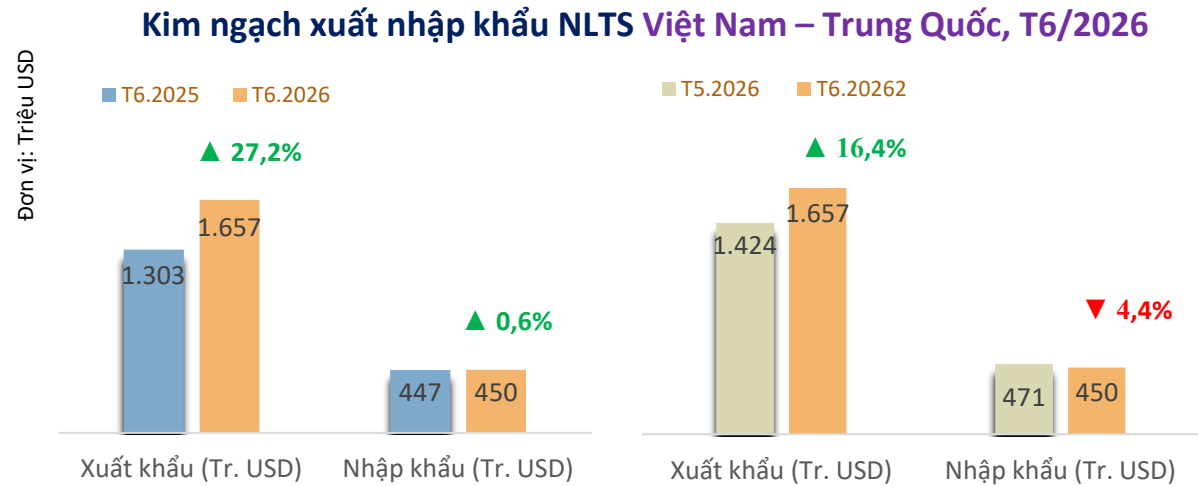


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T6/2026 so với T5/2026 và T6/2025

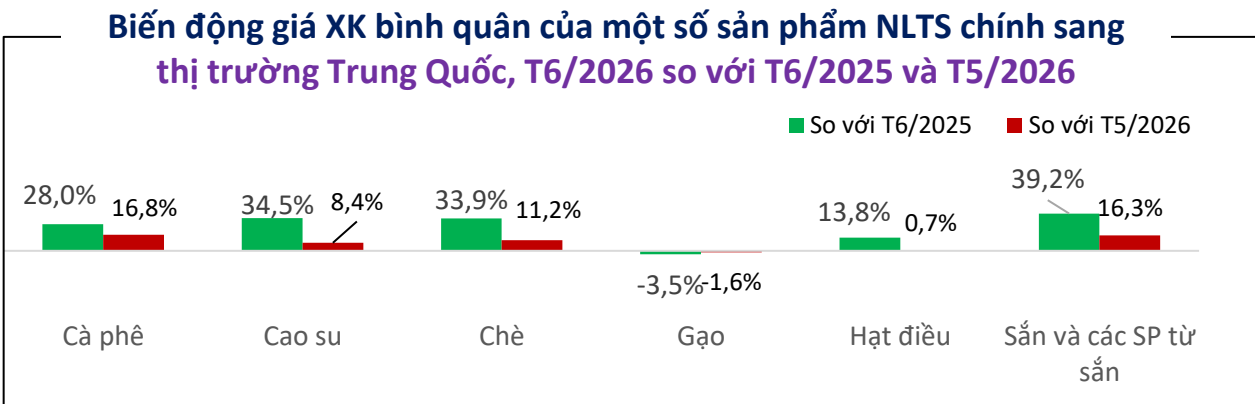
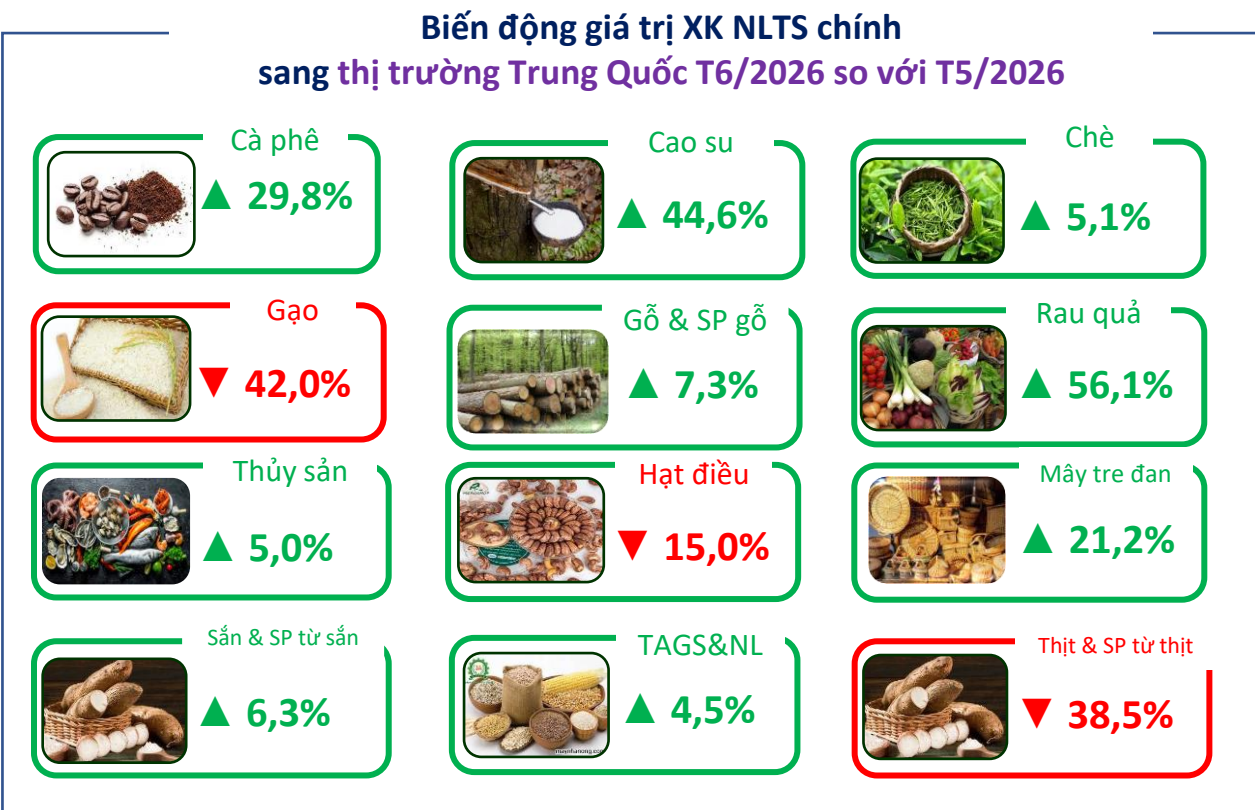
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T5/2026	So với T6/2025
Trung Quốc	1.657	▲ 2,0%	▲ 2,6%
Hoa Kỳ	1.279	▼ 0,3%	▼ 0,7%
EU	544	▼ 0,7%	▼ 1,2%
ASEAN	595	▲ 0,2%	▲ 0,6%
Nhật Bản	448	▲ 0,04%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	237	▲ 0,1%	▲ 0,3%
Tổng XK	6.587		

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 6/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



Kinh tế Trung Quốc duy trì ổn định trong 6 tháng đầu năm

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, GDP nước này trong nửa đầu năm 2026 đạt 69.570,4 tỷ nhân dân tệ (khoảng 1,03 nghìn tỷ USD), tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng giảm từ 5% trong quý I xuống 4,3% trong quý II, cho thấy động lực kinh tế có dấu

hiệu suy yếu. Khu vực dịch vụ tăng 5,2%, công nghiệp tăng 3,9% và nông nghiệp tăng 3,7%.

Trong nửa đầu năm, sản xuất nông nghiệp Trung Quốc khá ổn định, trong đó vụ hè đạt kết quả tích cực với sản lượng ngũ cốc 150,75 triệu tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ. Giá trị gia tăng của ngành trồng trọt tăng 3,6%. Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, tổng sản lượng thịt lợn, bò, cừu

và gia cầm đạt 50,50 triệu tấn, tăng 4,3%. Trong đó, thịt lợn và gia cầm tăng, thịt bò và cừu giảm. Sản lượng sữa tăng 2,4%, trứng giảm 2,2%. Đàn lợn cuối quý II đạt 424,91 triệu con, ổn định so với cùng kỳ, cho thấy nguồn cung thịt lợn vẫn được duy trì.

Nguồn: Stats.gov.cn

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đặt trọng tâm hoàn thiện chính sách tiền tệ, kiểm soát rủi ro tài chính

Ngày 10/8, PBoC thông báo đã ban hành “Quy hoạch cải cách và phát triển Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc giai đoạn Quy hoạch 5 năm lần thứ 15”, xác định các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách và phát triển của ngân hàng trung ương Trung Quốc trong giai đoạn 2026-2030.

Nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu là xây dựng hệ thống chính sách tiền tệ khoa học, vững chắc và hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn vĩ mô toàn diện. Chính sách tài chính – tiền tệ sẽ được điều chỉnh theo hướng hỗ trợ hiệu quả hơn cho các lĩnh vực trọng điểm, các chiến lược phát triển lớn, phát triển

xanh, chuyển đổi carbon thấp, tài chính bao trùm, tài chính số và mở rộng tiêu dùng.

Trung Quốc tiếp tục mở cửa tài chính, tập trung vào quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ (NDT), mở rộng sử dụng NDT trong thương mại, đầu tư xuyên biên giới và phát triển hệ thống thanh toán quốc tế. Đồng thời, nước này đẩy mạnh tài chính số, phát triển đồng NDT kỹ thuật số, nâng cao hệ thống thông tin tín dụng và tăng cường giám sát rủi ro tài chính nhằm nâng cao vai trò của Trung Quốc trong hệ thống tài chính toàn cầu.



Nguồn: Baotintuc.vn

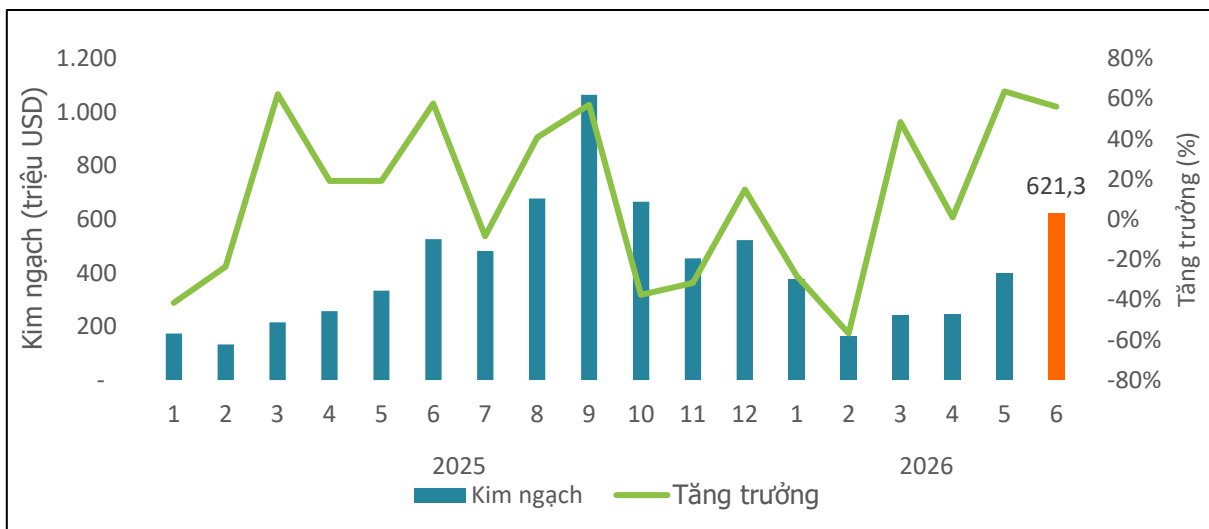


Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH



621,3
triệu USD

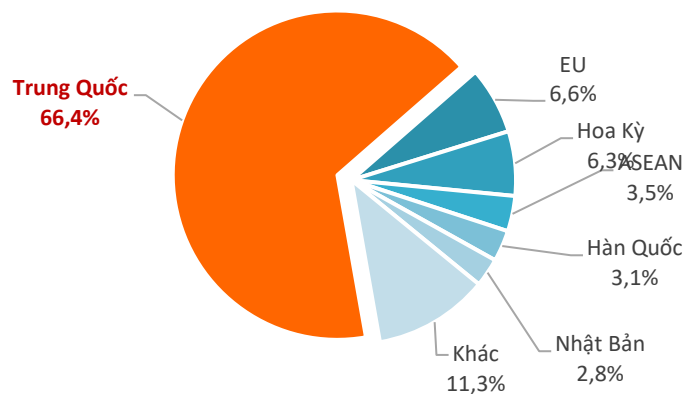
Tăng **56,1%** so với T5/2026

Tăng **18,1%** so với T6/2025

Cao hơn **162,7 triệu USD** so với
bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 6 tháng năm 2026 đạt **2,04**
tỷ USD, đạt **37,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T6/2026



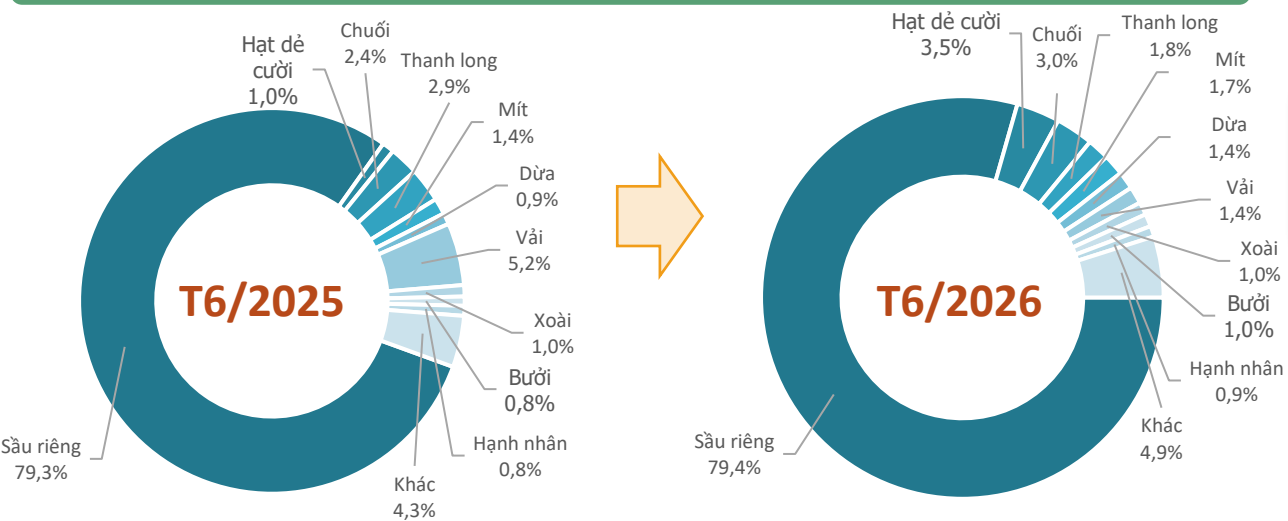
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T6/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T6/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **493,4** triệu USD
Tăng **121,5%** so với T5/2026
Tăng **18,4%** so với T6/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **21,7** triệu USD
Tăng **69,7%** so với T5/2026
Tăng **308,2%** so với T6/2025



Chuối

Kim ngạch: **18,8** triệu USD
Giảm **29,7%** so với T5/2026
Tăng **46,5%** so với T6/2025



Thanh long

Kim ngạch: **10,9** triệu USD
Giảm **52,4%** so với T5/2026
Giảm **28,1%** so với T6/2025



Mít

Kim ngạch: **10,6** triệu USD
Giảm **49,5%** so với T5/2026
Tăng **48,4%** so với T6/2025



Dừa

Kim ngạch: **8,9** triệu USD
Tăng **17,4%** so với T5/2026
Tăng **78,7%** so với T6/2025



Vải

Kim ngạch: **8,5** triệu USD
Tăng **14,5%** so với T5/2026
Giảm **69,0%** so với T6/2025



Xoài

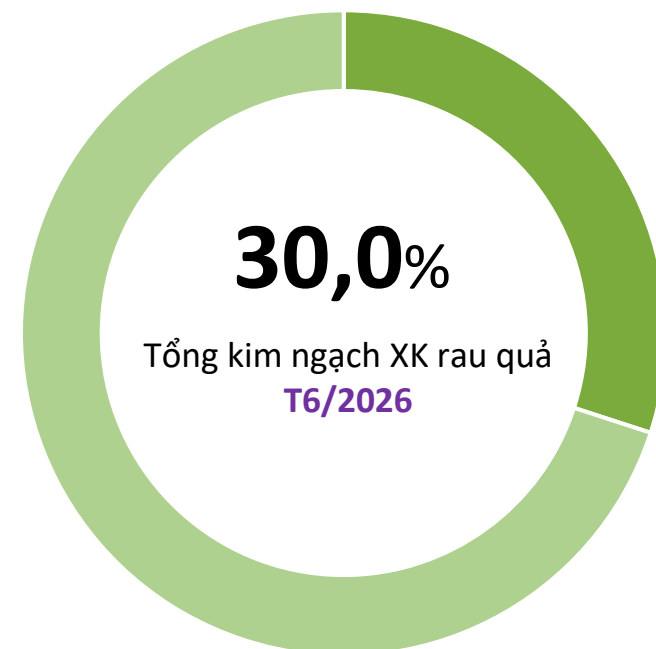
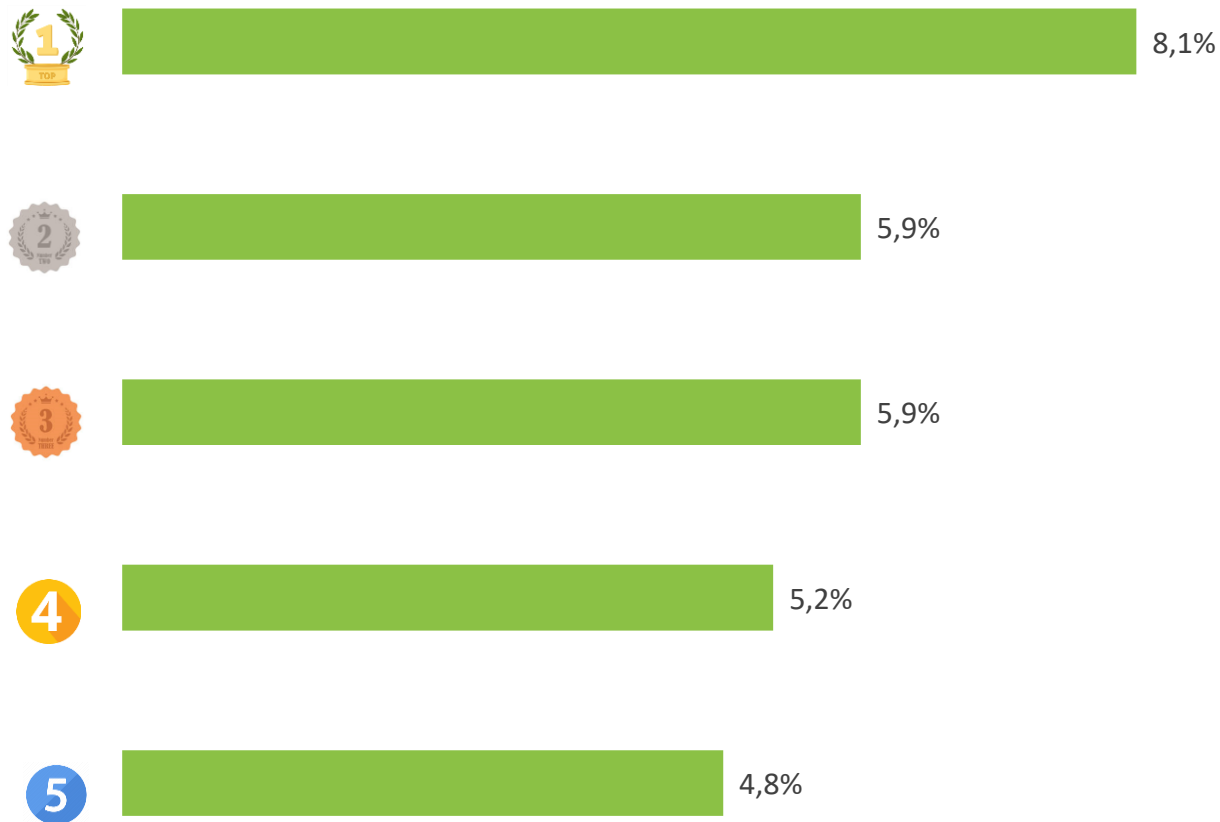
Kim ngạch: **6,4** triệu USD
Giảm **60,6%** so với T5/2026
Tăng **27,1%** so với T6/2025



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T6/2026**

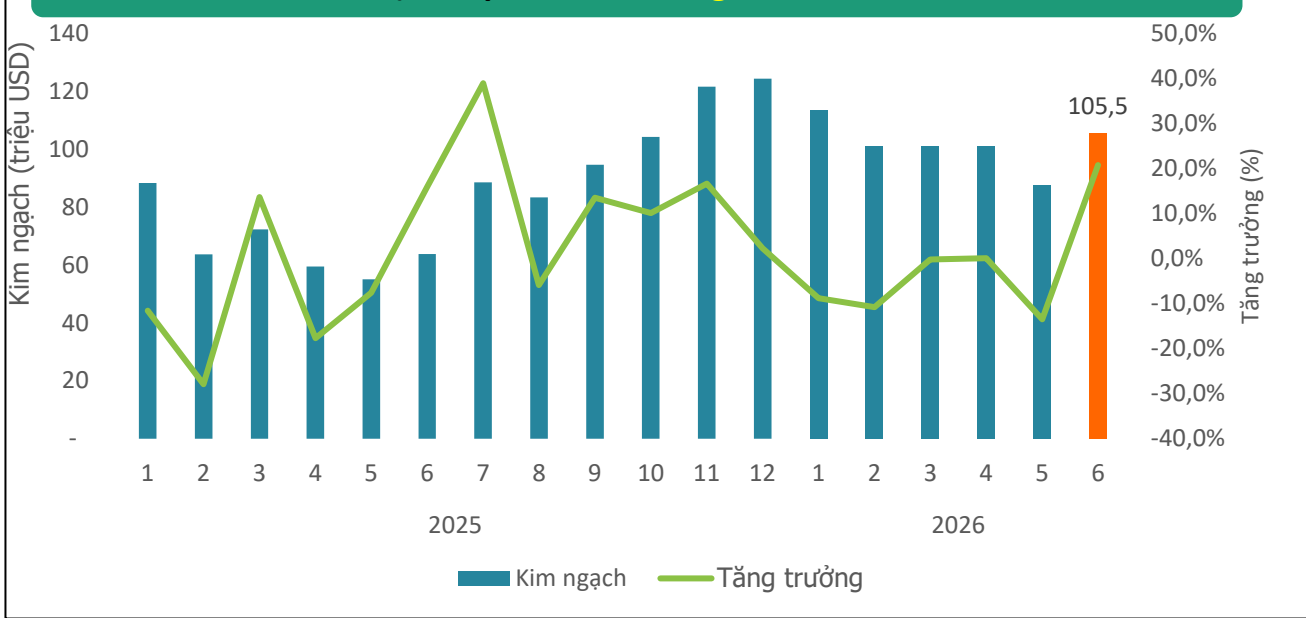
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T6/2026**





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T6/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH



105,5

triệu USD

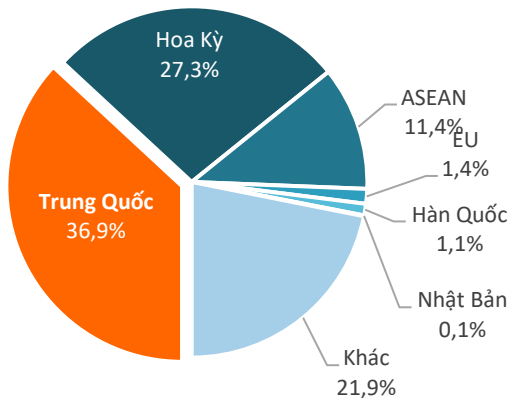
Tăng **20,7%** so với T5/2026

Tăng **65,5%** so với T6/2025

Cao hơn **20,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 6 tháng năm 2026 đạt **608,7** triệu USD, đạt **59,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T6/2026



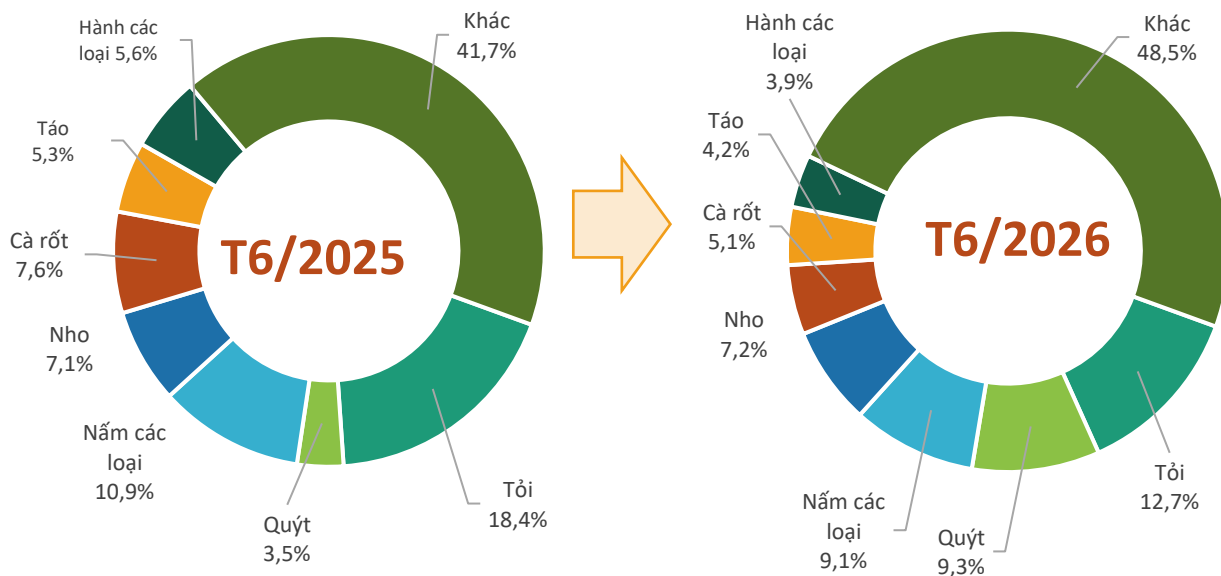
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T6/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T6/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T6/2026



Tỏi

Kim ngạch: **13,4** triệu USD
Tăng **39,2%** so với T5/2026
Tăng **14,8%** so với T6/2025



Quýt

Kim ngạch: **9,9** triệu USD
Giảm **25,6%** so với T5/2026
Tăng **345,8%** so với T6/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **9,6** triệu USD
Tăng **7,6%** so với T5/2026
Tăng **37,9%** so với T6/2025



Nho

Kim ngạch: **7,6** triệu USD
Tăng **252,0%** so với T5/2026
Tăng **67,5%** so với T6/2025



Cà rốt

Kim ngạch: **5,4** triệu USD
Tăng **29,8%** so với T5/2026
Tăng **11,2%** so với T6/2025



Táo

Kim ngạch: **4,5** triệu USD
Giảm **10,1%** so với T5/2026
Tăng **32,0%** so với T6/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **4,1** triệu USD
Tăng **67,6%** so với T5/2026
Tăng **13,4%** so với T6/2025

Xuất khẩu rau quả Việt Nam tăng mạnh, Trung Quốc tiếp tục là thị trường chủ lực

Tháng 7/2026, xuất khẩu rau quả của cả nước đạt khoảng 1,06 tỷ USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 4,76 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của rau quả Việt Nam. Xuất khẩu sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm đạt khoảng 2 tỷ USD, tăng 24,7%, chiếm khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành. Đà tăng trưởng tại thị trường Trung Quốc được duy trì nhờ nhu cầu ổn định đối với các loại trái cây nhiệt đới như sầu riêng, thanh long, chuối, dưa tươi và xoài. Đồng thời, hoạt động thông quan tại các cửa khẩu được cải thiện cùng với việc doanh nghiệp chủ động đáp ứng các quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và truy xuất nguồn gốc đã góp phần rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

Nguồn: Vneconomy.vn



Tin liên quan



Trung Quốc giảm 17% chi phí nhập khẩu trái cây từ châu Phi nhờ miễn thuế

Chính sách miễn thuế dành cho tất cả hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia châu Phi có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, có hiệu lực từ ngày 1/5/2026, đã thúc đẩy nhập khẩu hàng hóa và nông sản từ khu vực này.

Theo Hải quan Thượng Hải, kim ngạch nhập khẩu từ 53 quốc gia đủ điều kiện đã vượt 176,8 triệu USD, với số thuế được cắt giảm khoảng 17,7 triệu USD. Trong đó, ưu đãi nhập khẩu trái cây châu Phi đạt 2 triệu USD; chi phí nhập khẩu trái cây tươi bình quân giảm khoảng 17% trên mỗi container.

Bên cạnh ưu đãi thuế, Trung Quốc còn triển khai kênh thông quan 24 giờ và các quy trình riêng cho từng nhóm hàng nhằm rút ngắn thời gian xử lý và hỗ trợ logistics. Các biện pháp này được kỳ vọng thúc đẩy thương mại nông sản Trung Quốc – châu Phi và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho trái cây châu Phi.

Nguồn: Freshplaza.com



Tin liên quan



Khối lượng tỏi xuất khẩu của Trung Quốc tăng 11,6%

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trung Quốc, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2026, Trung Quốc đã xuất khẩu 848.500 tấn tỏi, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù khối lượng xuất khẩu tăng, doanh thu xuất khẩu giảm 15,8% xuống còn 1,04 tỷ USD. Giá xuất khẩu bình quân cũng giảm 24,6%, xuống còn 1.226 USD/tấn.

Nguồn cung trong nước cũng vẫn ở mức cao. Tại Hà Nam, tỏi khô mới được bán với giá 2,4–3,6 nhân dân tệ/kg (khoảng 0,35–0,53 USD/kg), thấp hơn khoảng 36% so với năm ngoái. Bộ dự kiến giá sẽ duy trì ở mức tương đối thấp trong quý 3, mặc dù nguồn cung tỏi chất lượng cao có hạn có thể dẫn đến chênh lệch giá giữa các loại tỏi lớn hơn..

Nguồn: Fructidor.com

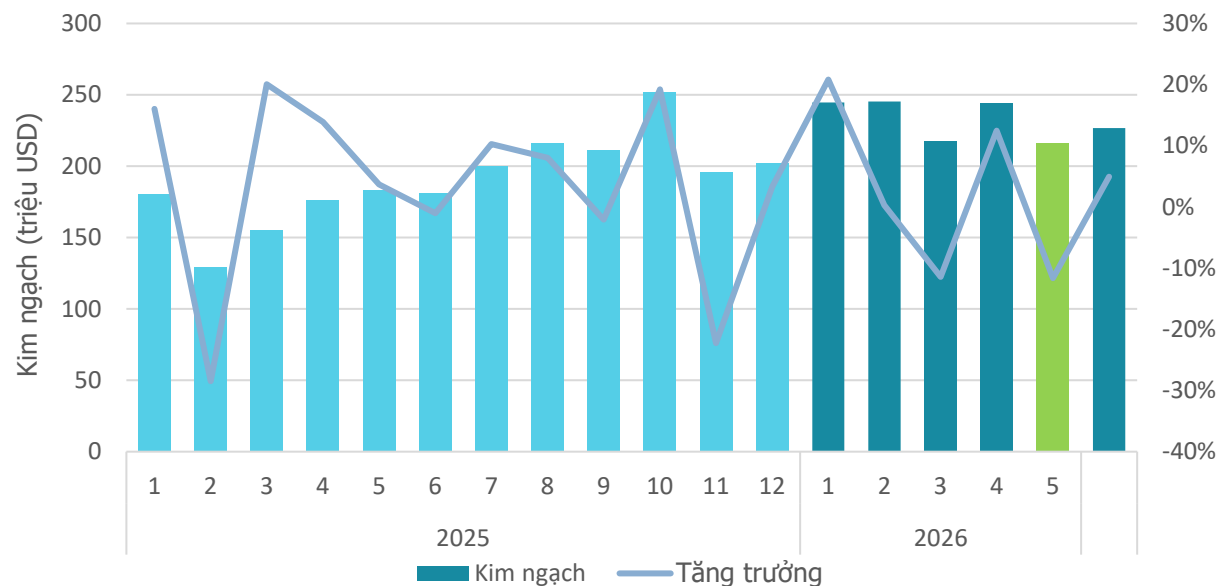


Tin liên quan

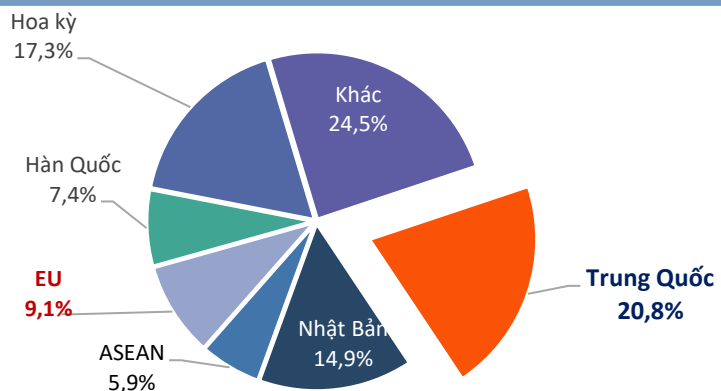


THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH

226,7 triệu USD



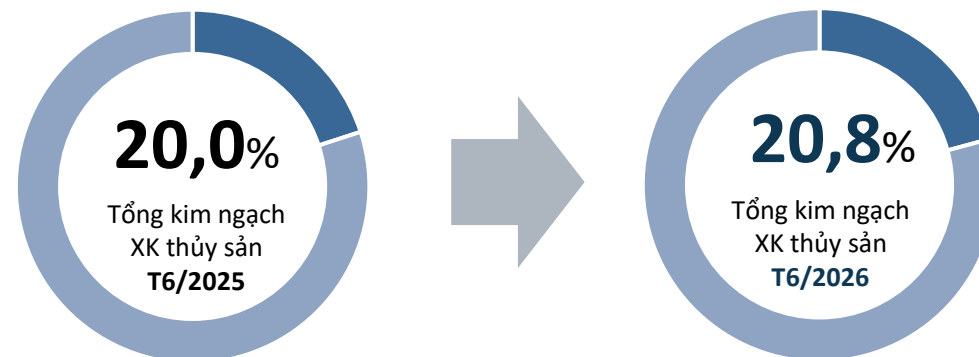
➤ Tăng **5,0%** so với T5/2026

➤ Tăng **25,1%** so với T6/2025

▲ Cao hơn **36,6** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 6 tháng 2026 đạt **1394,4** triệu USD, Đạt **61,1%** kim ngạch 2025

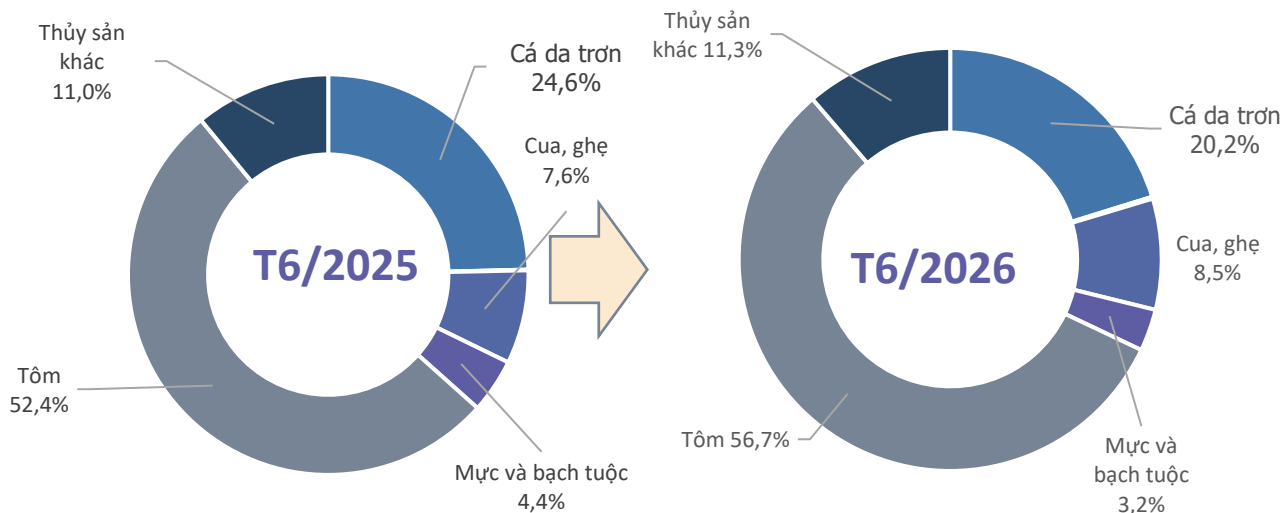
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



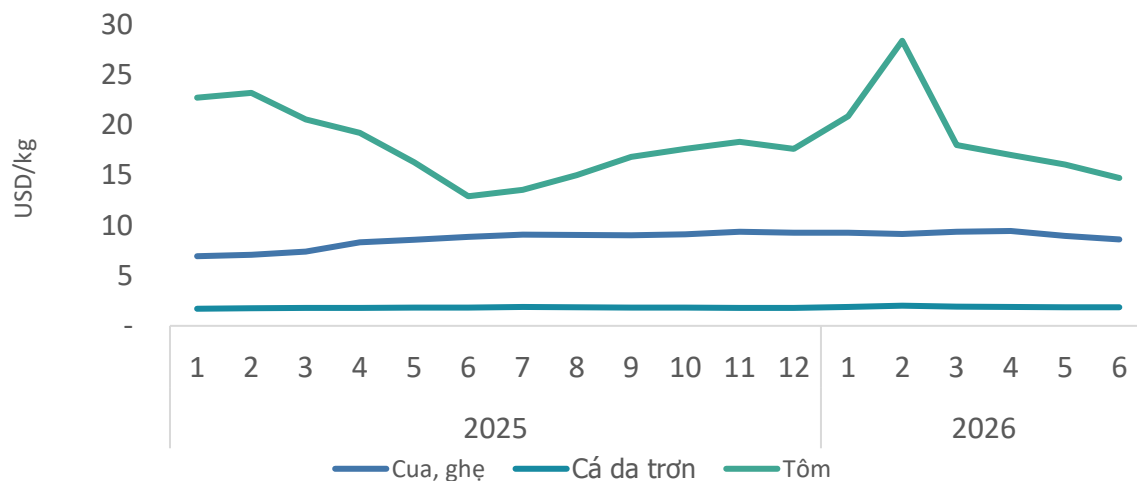


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **45,6** Triệu USD
Tăng **17,4%** so với T5/2026
Tăng **2,7%** so với T6/2025



Tôm

Kim ngạch: **127,9** Triệu USD
Tăng **4,9%** so với T5/2026
Tăng **35,0%** so với T6/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **19,1** Triệu USD
Tăng **4,1%** so với T5/2026
Tăng **40,0%** so với T6/2025

Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **8,6** USD/kg; **giảm 4,0%** so với tháng trước; và **giảm 2,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **1,8** USD/kg; **giảm 0,8%** so với tháng trước; và **tăng 1,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

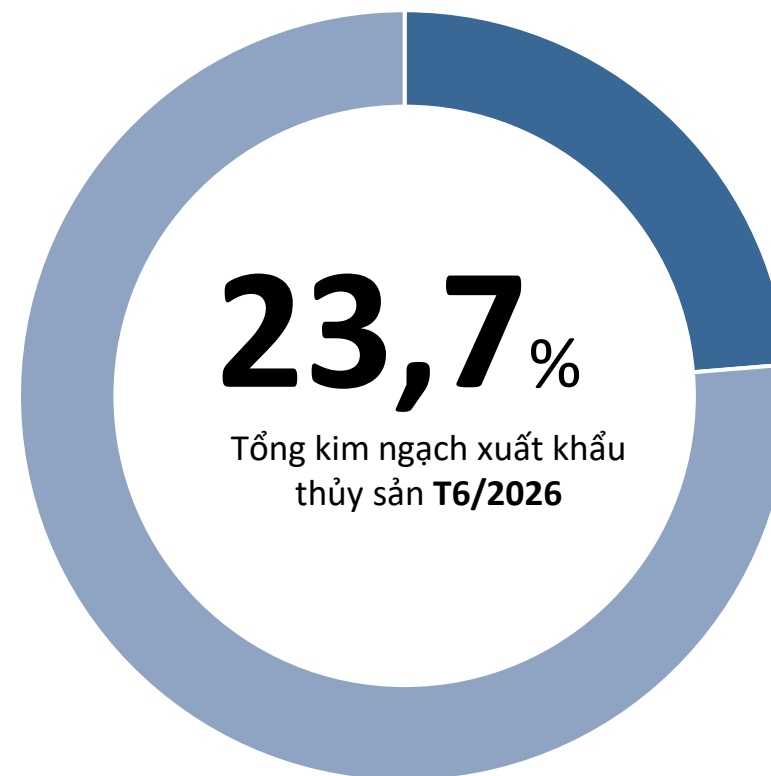
Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **14,7** USD/kg; **giảm 8,4%** so với tháng trước; và **tăng 14,0%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T6/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Trung Quốc tăng nhập khẩu tôm Ecuador dù siết kiểm soát dư lượng

Tháng 6/2026, nhập khẩu tôm của Trung Quốc tăng khoảng 13% so với cùng kỳ. Ecuador - quốc gia hiện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nguồn cung tôm nhập khẩu của Trung Quốc và tiếp tục bỏ xa các đối thủ như Ấn Độ, Argentina, Việt Nam hay Saudi Arabia.

Hải quan Trung Quốc đang tăng cường các hoạt động kiểm soát chất lượng, kiểm tra dư lượng metabisulfite. Số lô tôm Ecuador bị từ chối tăng từ khoảng 132 lô trong tháng 5 lên 214 lô trong tháng 6; nhiều nhà máy cũng bị tạm đình chỉ xuất khẩu. Tuy nhiên, Ecuador vẫn giữ lợi thế lớn về sản lượng, giá thành và khả năng cung ứng quanh năm.

Đối với Việt Nam, diễn biến này cho thấy Trung Quốc vẫn có nhu cầu nhập khẩu tôm lớn, nhưng các doanh nghiệp cần đáp ứng nghiêm ngặt hơn yêu cầu về an toàn thực phẩm, kiểm soát dư lượng và truy xuất nguồn gốc.



Nguồn: Vasep



Tin liên quan

Cá rô phi Trung Quốc chuyển hướng xuất khẩu sang châu Phi

Xuất khẩu cá rô phi Trung Quốc đang dịch chuyển từ Hoa Kỳ sang châu Phi, Đông Nam Á và Trung Đông do áp lực thuế quan làm giảm sức cạnh tranh tại thị trường Hoa Kỳ. Bờ Biển Ngà, Burkina Faso và Mali hiện trở thành những điểm đến quan trọng, chủ yếu nhập cá nguyên con và cá cắt khúc đông lạnh. Trong khi đó, nguồn cung nguyên liệu tại Trung Quốc giảm khiến giá thu mua cá tại ao có xu hướng tăng. Ngành cá rô phi nước này cũng tăng cường quản lý vùng nuôi và truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao chất lượng xuất khẩu.

Tuy nhiên, cạnh tranh quốc tế ngày càng lớn khi Việt Nam, Indonesia và một số quốc gia châu Phi đang mở rộng sản xuất cá rô phi. Ngoài áp lực thuế quan, Trung Quốc còn phải đối mặt với sự gia tăng nguồn cung toàn cầu. Đáng chú ý, việc Vân Nam lần đầu xuất khẩu cá rô phi giống sang Việt Nam cho thấy chuỗi giá trị ngành cá rô phi Trung Quốc đang mở rộng sang lĩnh vực con giống, hướng tới vai trò cung cấp công nghệ và nguồn lực cho thị trường quốc tế.



Nguồn: Vasep

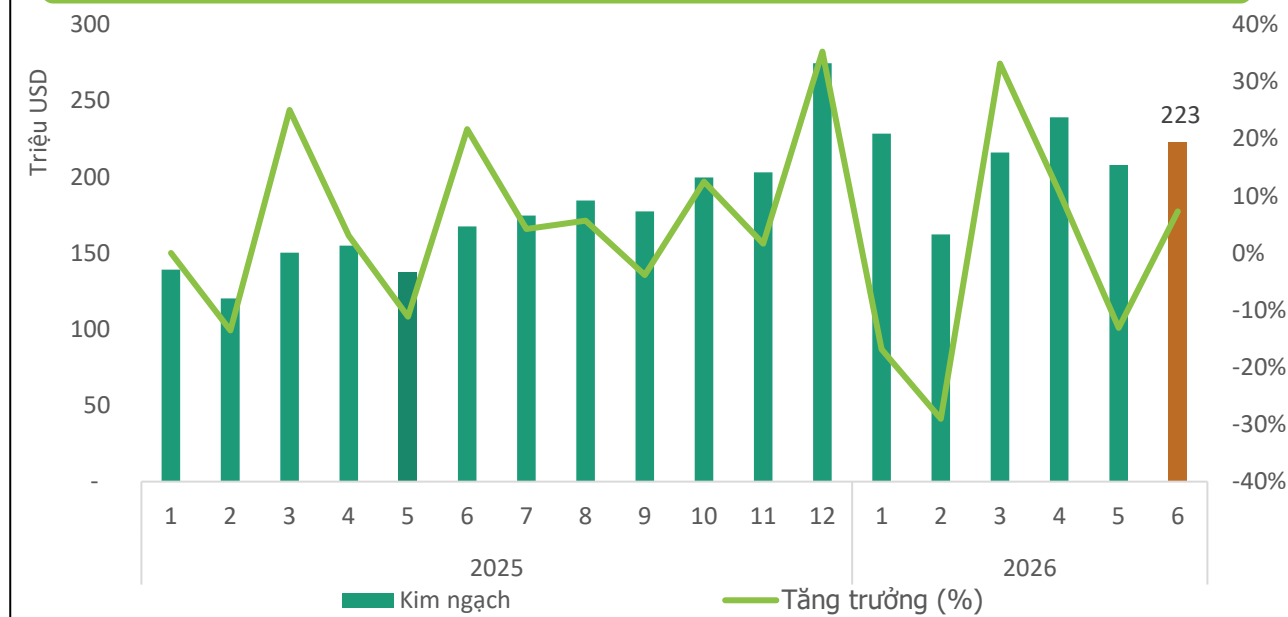


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH



223

triệu USD

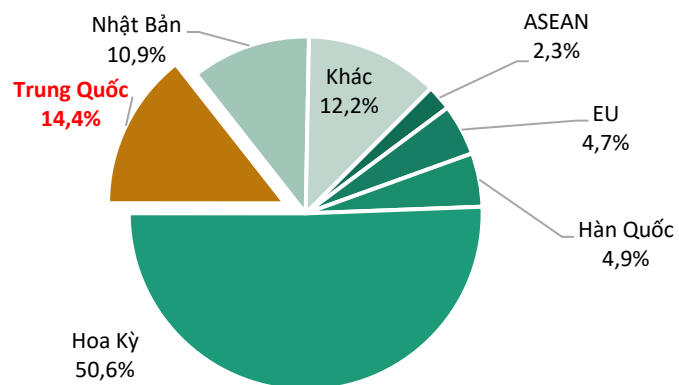
➔ Tăng **7,3%** so với T5/2026

➔ Tăng **33,0%** so với T6/2025

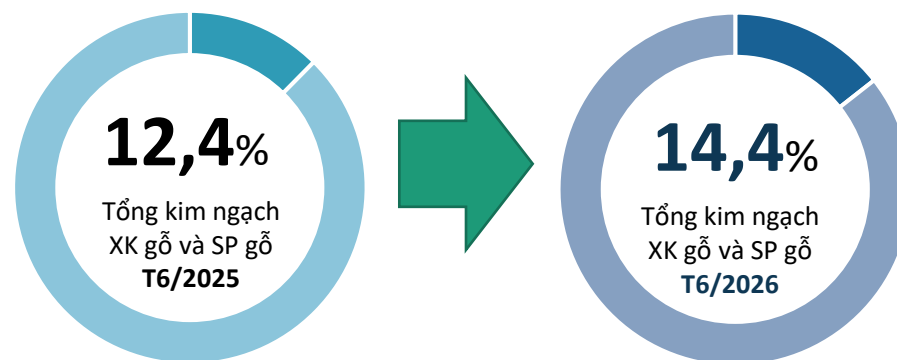
➔ Cao hơn **49,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt **1,3 tỷ USD**, đạt **61,2%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



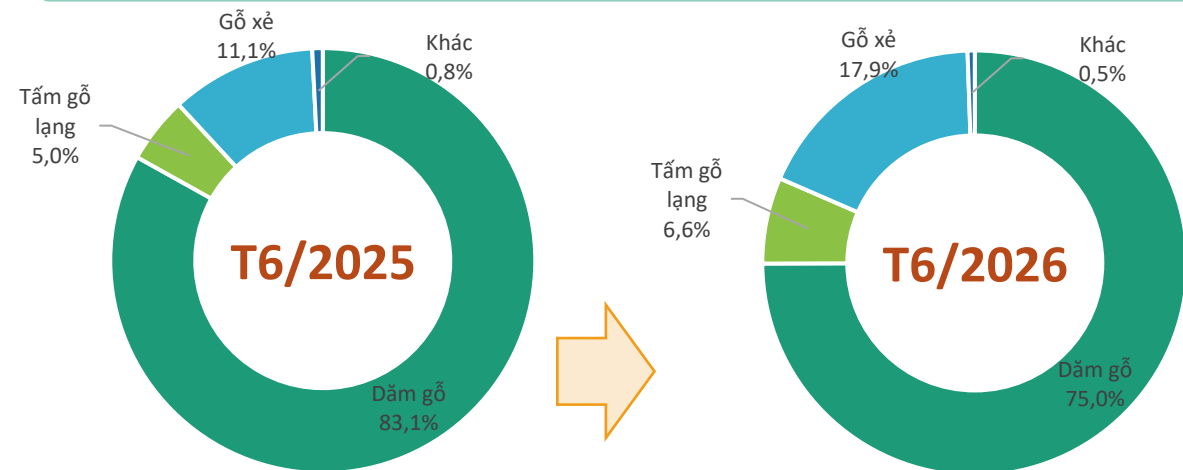
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



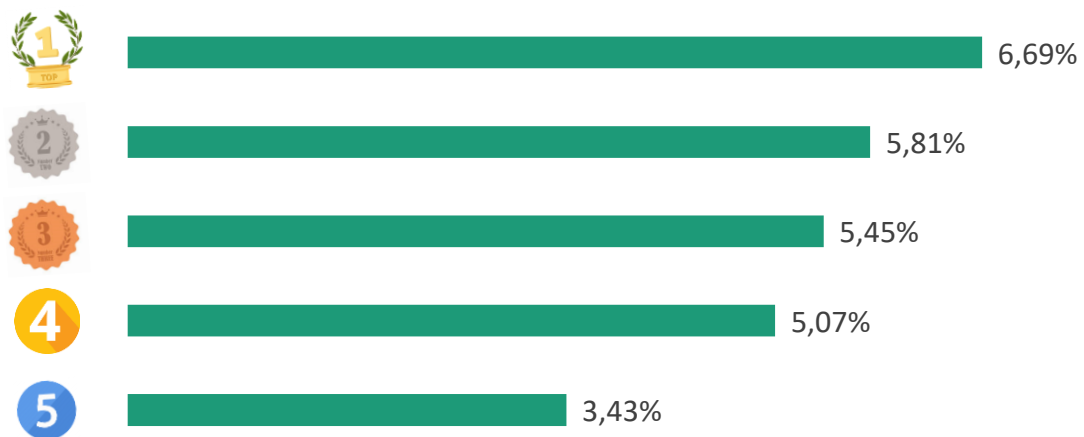


GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **156,0** triệu USD
Tăng **19%** so với T5/2026
Tăng **14%** so với T6/2025



Gỗ xẻ

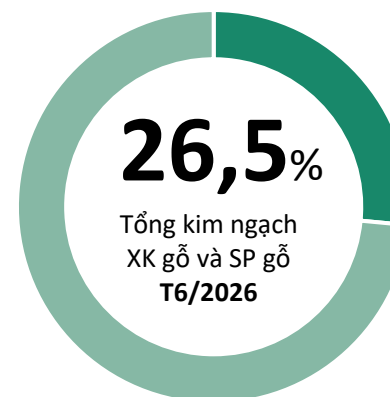
Kim ngạch: **37,3** triệu USD
Giảm **4%** so với T5/2026
Tăng **106%** so với T6/2025



Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **13,6** triệu USD
Tăng **2%** so với T5/2026
Tăng **65%** so với T6/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T6/2026





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

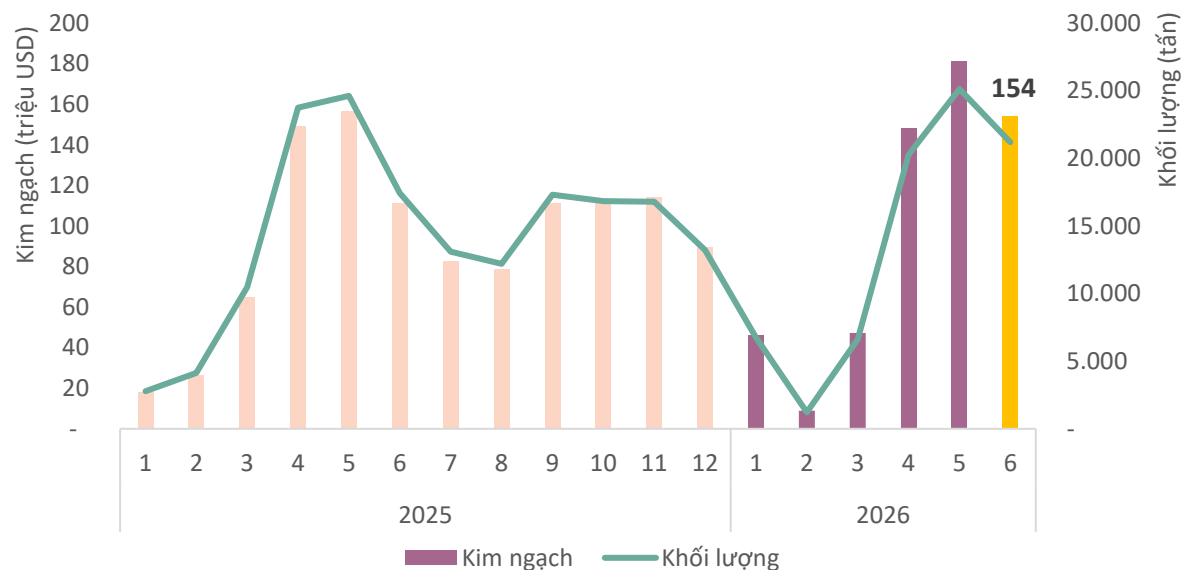
Kế hoạch 5 năm của ngành lâm nghiệp Trung Quốc đặt mục tiêu đến năm 2030 nâng độ che phủ rừng lên trên 25%, tăng trữ lượng rừng lên 22,4 tỷ m³ và đưa tổng giá trị sản lượng lên 14 nghìn tỷ NDT, tương đương khoảng 2 nghìn tỷ USD. Tuy nhiên, nhu cầu gỗ trong ngắn hạn tiếp tục chịu ảnh hưởng từ thị trường bất động sản. Trong 6 tháng đầu năm 2026, đầu tư bất động sản và đầu tư vào nhà ở cùng giảm 18% so với cùng kỳ. Chỉ số GTI-China tháng 6 đạt 48,4%, tiếp tục dưới ngưỡng 50%, cho thấy hoạt động của các doanh nghiệp gỗ thuộc phạm vi khảo sát còn thu hẹp.

Trong nửa đầu năm 2026, Trung Quốc đã nhập khẩu 15,88 triệu m³ gỗ tròn, trị giá 2,67 tỷ USD, giảm 5% về lượng và 1% về trị giá. New Zealand tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với 8,986 triệu m³, giảm 3%; trong khi nhập khẩu từ Hoa Kỳ tăng 20% lên 491.000 m³ và tăng 29% về trị giá lên 250 triệu USD. Nhập khẩu gỗ tròn nhiệt đới giảm 6% xuống 2,161 triệu m³, chủ yếu do lượng nhập từ Papua New Guinea và Quần đảo Solomon giảm lần lượt 5% và 11%.

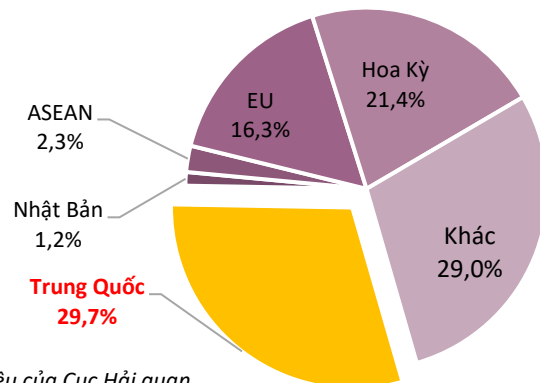


HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH

154 triệu USD

↘ Giảm **15,1%** so với T5/2026

↗ Tăng **38,3%** so với T6/2025

↑ Cao hơn **61,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **585,7 triệu USD**, đạt **52,5%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

21,2 nghìn tấn

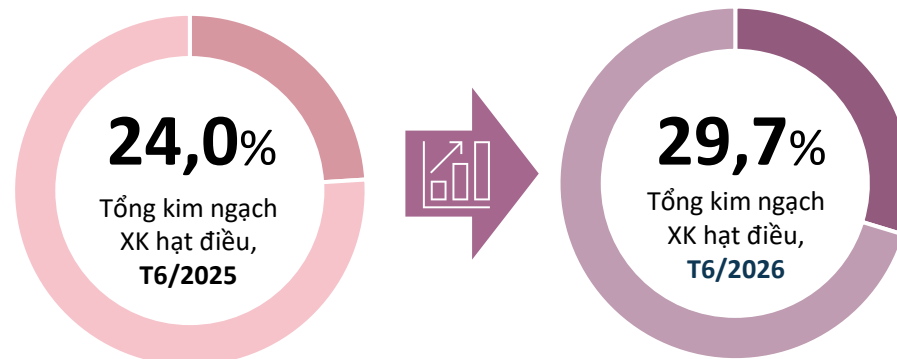
↘ Giảm **15,6%** so với T5/2026

↗ Tăng **21,6%** so với T6/2025

↑ Cao hơn **6,8 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **81,2 nghìn tấn**, đạt **47,0%** khối lượng năm 2025

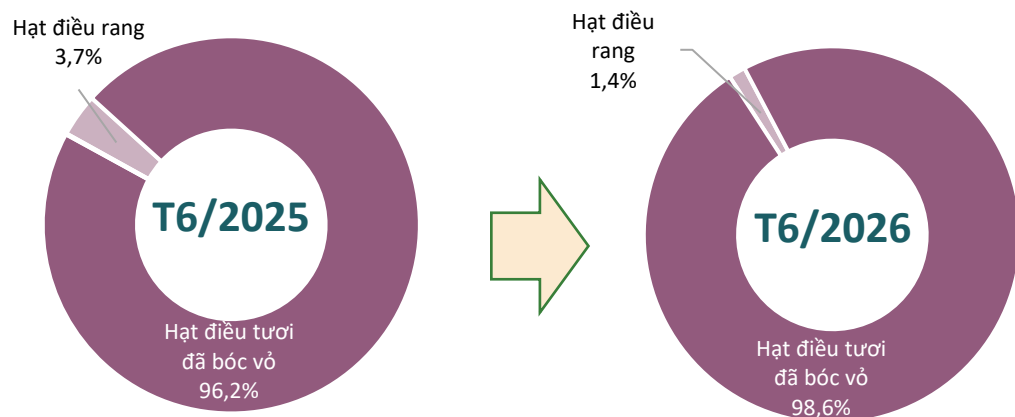
Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



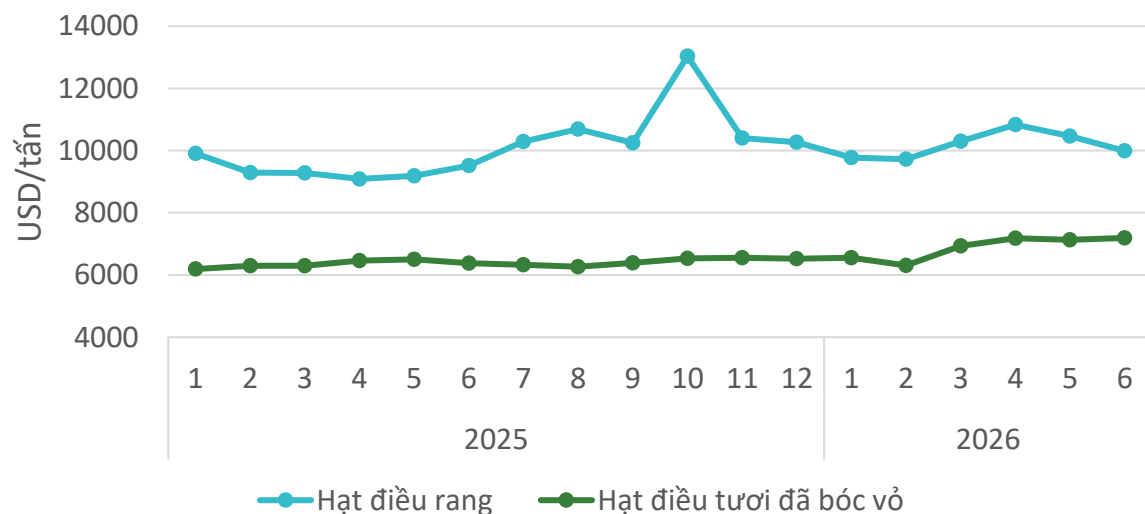


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **152** triệu USD

Giảm **11,9%** so với T5/2026

Tăng **42,0%** so với T6/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **2** triệu USD

Tăng **18,1%** so với T5/2026

Giảm **45,6%** so với T6/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **7.190** USD/tấn **tăng 0,9%** so với tháng trước; và **tăng 12,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

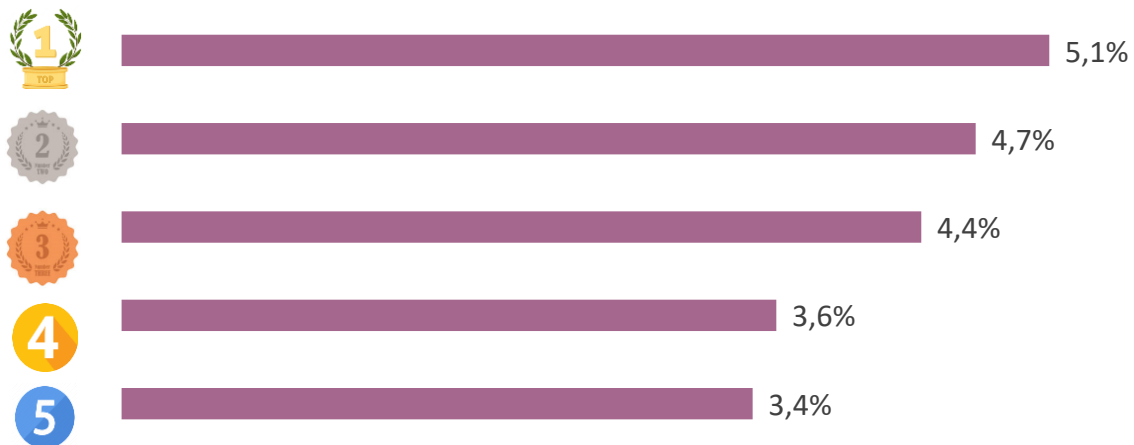
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **9.993** USD/tấn; **giảm 4,4%** so với tháng trước; và **tăng 5,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

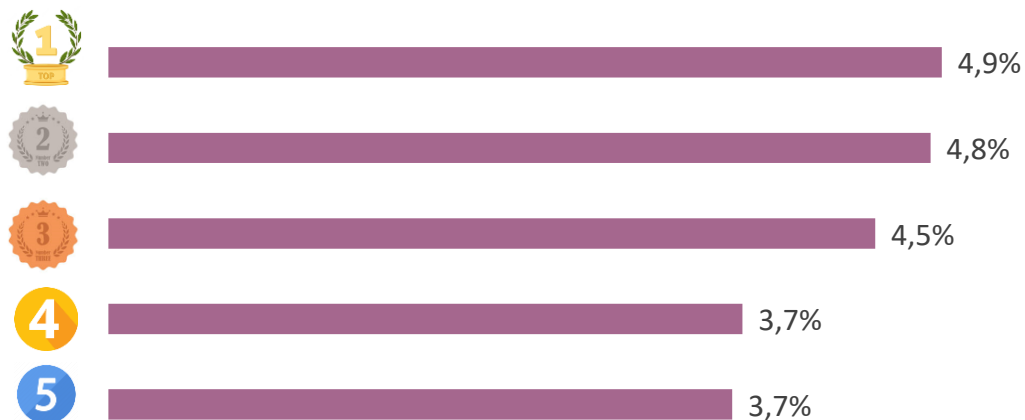


HẠT ĐIỀU

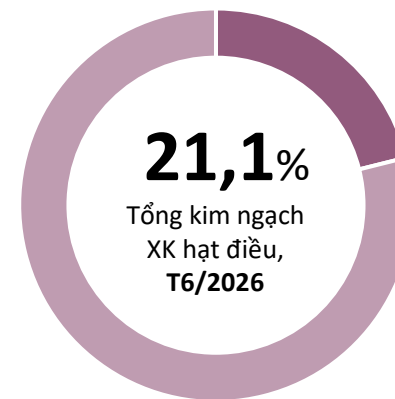
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



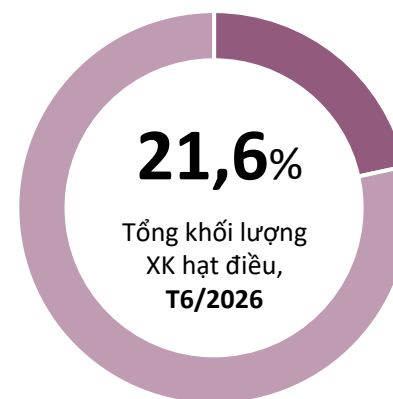
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026





Campuchia và Trung Quốc đẩy mạnh hợp tác trong chế biến và xuất khẩu hạt điều

Tháng 7/2026, Campuchia lần đầu xuất khẩu trực tiếp hạt điều đã qua chế biến sang cảng Khâm Châu, Trung Quốc, đánh dấu bước tiến trong xây dựng chuỗi cung ứng từ thu mua, chế biến trong nước đến tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc. Đây là bước tiến lớn để Campuchia giảm phụ thuộc vào xuất khẩu điều thô và nâng cao giá trị gia tăng.

Một doanh nghiệp Trung Quốc đang xem xét đầu tư nhà máy chế biến hạt điều tại tỉnh Kratie và phát triển thương hiệu hạt điều hữu cơ Campuchia. Doanh nghiệp này sẽ khảo sát vùng nguyên liệu trong tháng 8/2026, thu mua điều để chế biến, tiêu thụ tại Trung Quốc và xuất khẩu sang châu Âu, Nhật Bản. Các hoạt động này cho thấy hợp tác đầu tư, chế biến và thương mại hạt điều giữa hai nước đang được mở rộng.

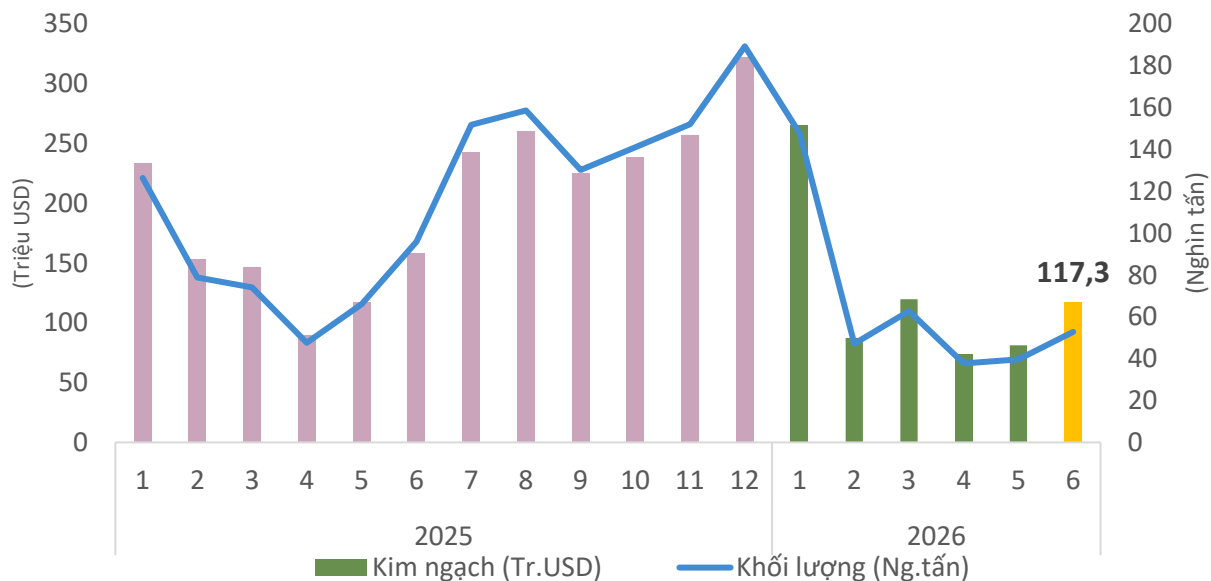
Nguồn: freshnews.com.kh và business-cambodia.com



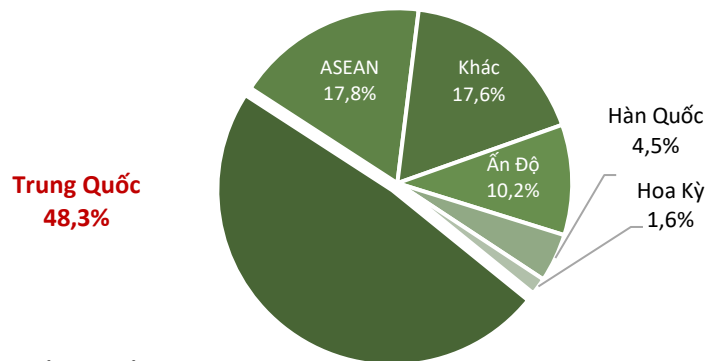


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T6/2026

KIM NGẠCH

117,3 triệu USD

↗ Tăng **44,6%** so với T5/2026

↘ Giảm **26,0%** so với T6/2025

↓ Thấp hơn **86,4** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **744** triệu USD, đạt **30,4%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

52,8 nghìn tấn

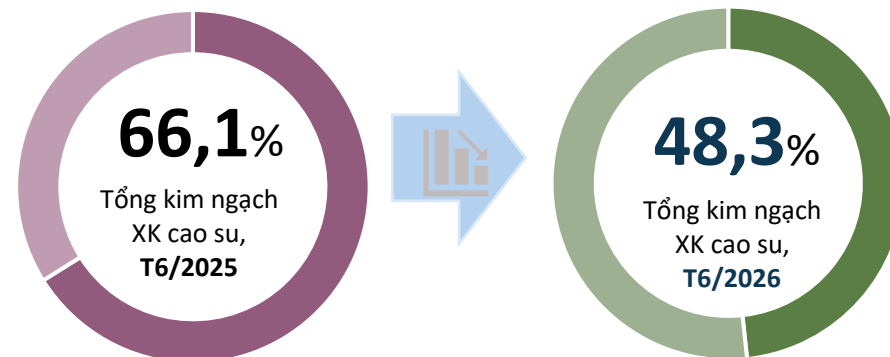
↗ Tăng **33,3%** so với T5/2026

↘ Giảm **45,0%** so với T6/2025

↓ Thấp hơn **64,9** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **388** nghìn tấn, đạt **27,5%** khối lượng năm 2025

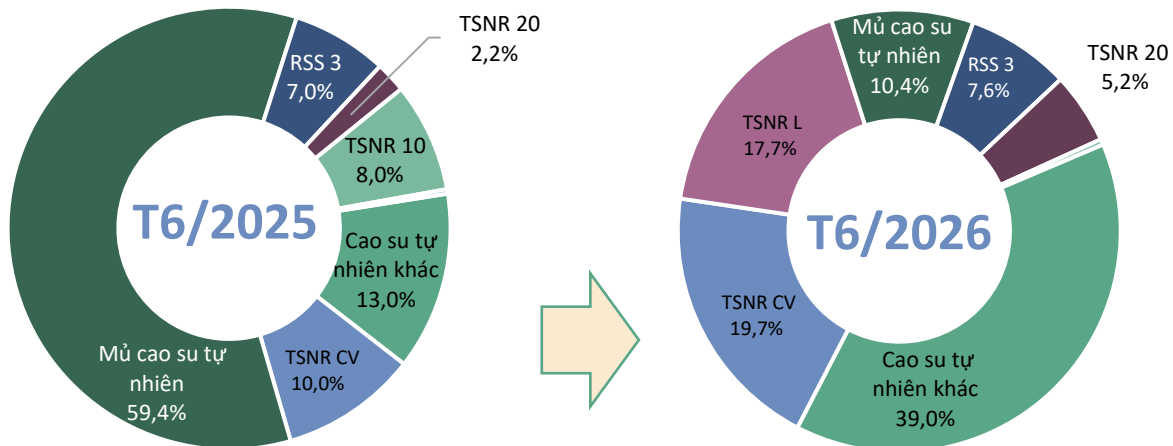
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



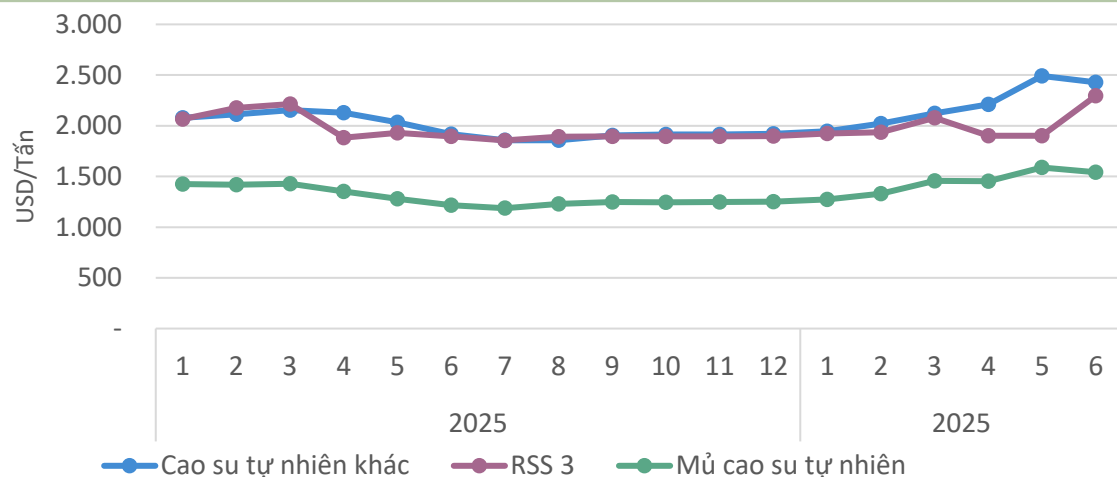


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **12,2** triệu USD
Giảm **6,0%** so với T5/2026
Giảm **87,1%** so với T6/2025



RSS 3

Kim ngạch: **8,88** triệu USD
Tăng **1.485%** so với T5/2026
Giảm **19,9%** so với T6/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **45,8** triệu USD
Tăng **100%** so với T5/2026
Tăng **122%** so với T6/2025

Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **1.543** USD/tấn; giảm **2,9%** so với tháng trước; và tăng **26,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **2.295** USD/tấn; tăng **20,8%** so với tháng trước; và tăng **21,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

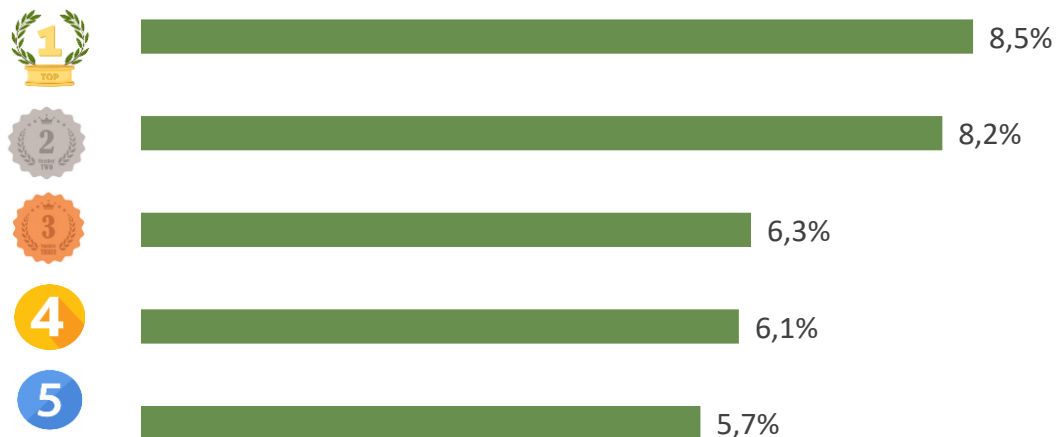
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **2.427** USD/tấn; giảm **2,6%** so với tháng trước; và tăng **26,6%** so với cùng kỳ năm 2025.



CAO SU

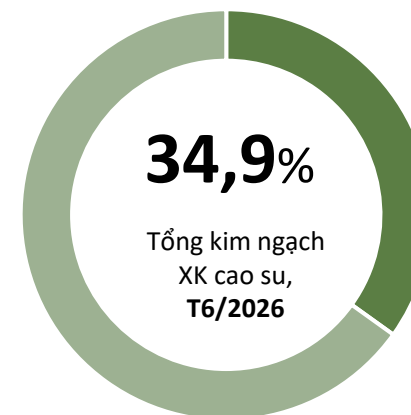
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



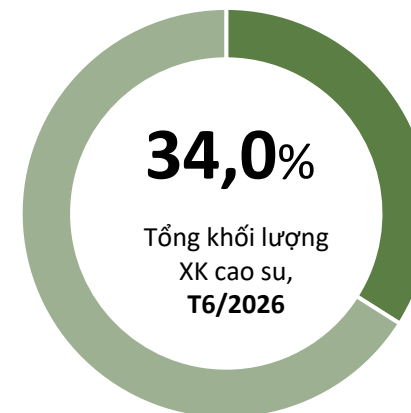
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Nhập khẩu cao su của Trung Quốc giảm trong nửa đầu năm 2026

Trong tháng 6/2026, Trung Quốc nhập khẩu 592.000 tấn cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, kể cả latex, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, lượng nhập khẩu đạt 3,935 triệu tấn, giảm 3,4% so với 4,074 triệu tấn của cùng kỳ năm 2025.

Nguồn: xingwangbao.com

❖ Mưa kéo dài tiếp tục hạn chế nguồn cung cao su nội địa

Trong nửa cuối tháng 7, mưa lớn và thiếu nắng tại Hải Nam và Vân Nam làm giảm số ngày khai thác thực tế, hạn chế lượng mủ cao su đưa ra thị trường. Có thời điểm, số ngày cạo mủ hiệu quả tại các vùng sản xuất chỉ đạt dưới bốn ngày mỗi tuần. Sản lượng cao su khai thác thấp góp phần hạn chế mức giảm của giá cao su trong bối cảnh nhu cầu thấp.

Nguồn: cnraw.org.cn





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Vân Nam đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất cao su tự nhiên hiệu suất cao

Tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) đang đẩy mạnh hiện đại hóa ngành cao su tự nhiên thông qua chương trình khoa học-công nghệ năm 2027 và đầu tư dây chuyền sản xuất cao su hiệu suất cao. Các dự án tập trung vào giống mới, vườn cao su thông minh, phòng trừ sâu bệnh, chế biến xanh, vật liệu cao cấp, tự động hóa và tận dụng phụ phẩm; mức hỗ trợ tối đa 4 triệu nhân dân tệ (556.000 USD), cho dự án trồng trọt và 6 triệu nhân dân tệ (833.000 USD), cho dự án chế biến. Đến năm 2028, tỉnh đặt mục tiêu phát triển 30 vật liệu, sản phẩm mới, 20 bộ thiết bị và 8 dây chuyền trình diễn. Trước đó, Vân Nam đã khởi công dây chuyền tự động công suất 6.000 tấn/năm tại Giang Thành, với vốn đầu tư hơn 100 triệu nhân dân tệ (13,9 triệu USD), dự kiến vận hành trong nửa đầu năm 2027, phục vụ sản xuất cao su chuyên dụng và giảm phụ thuộc nhập khẩu.

Nguồn: yn.gov.cn

❖ Hải Nam vận hành máy cạo mủ thông minh và nâng hiệu quả vườn cao su

Tập đoàn Cao su thiên nhiên Hải Nam đang đẩy mạnh hiện đại hóa ngành cao su thông qua đào tạo vận hành máy cạo mủ thông minh và ứng dụng công nghệ giảm phân bón. Ngày 21/7/2026, hơn 90 cán bộ, công nhân được hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và xử lý sự cố máy cạo mủ, góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả khai thác. Bên cạnh đó, công nghệ giảm phân hóa học, tăng sử dụng phân hữu cơ và phân chậm tan đã được áp dụng tại Hải Nam, Vân Nam và Quảng Đông, giúp năng suất cao su khô tăng bình quân 0,11 tấn/ha, đồng thời giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nguồn: hirub.cn



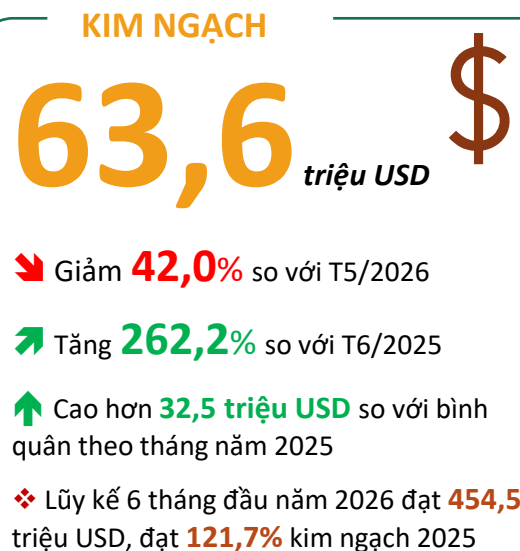


LÚA GẠO

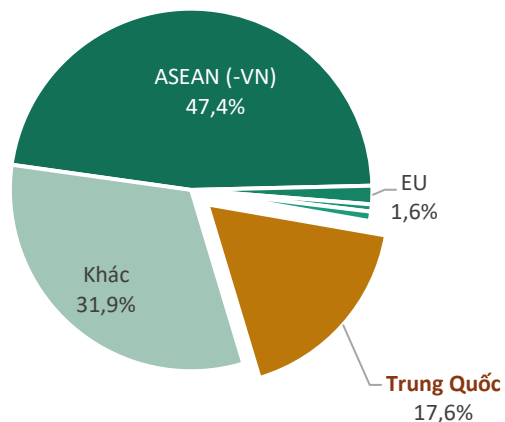
Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



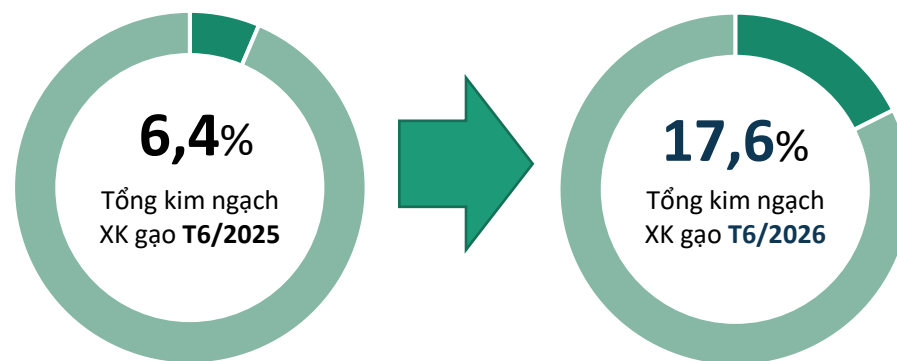
Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



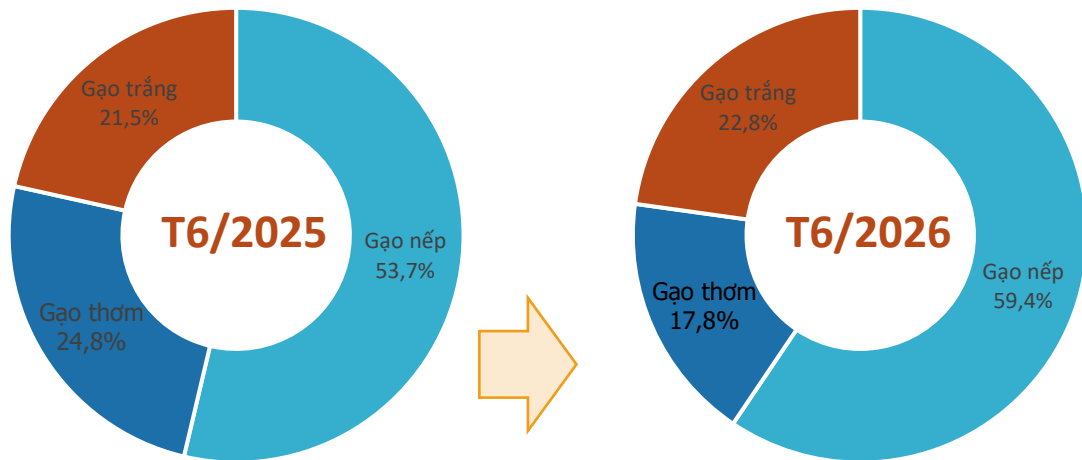
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



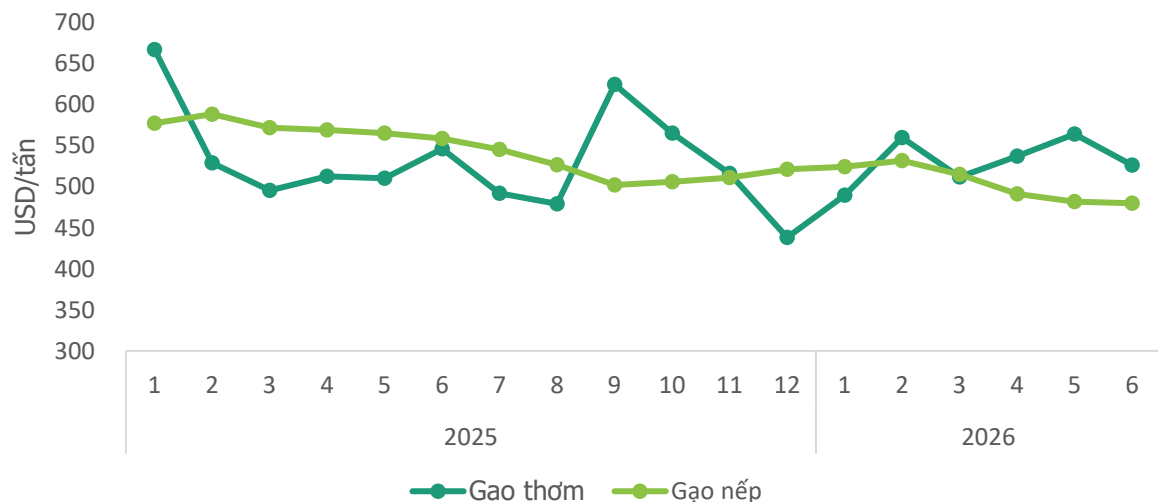


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Gạo nếp

Kim ngạch: **36,3** triệu USD
Giảm **44%** với T5/2026
Tăng **2,8** lần so với T6/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **10,8** triệu USD
Giảm **28%** so với T5/2026
Tăng **1,5** lần so với T6/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **13,9** triệu USD
Giảm **47%** so với T5/2026
Tăng **2,7** lần so với T6/2025

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **482** USD/tấn; giảm **0,4%** so với tháng trước; và giảm **14%** so với cùng kỳ năm 2025.

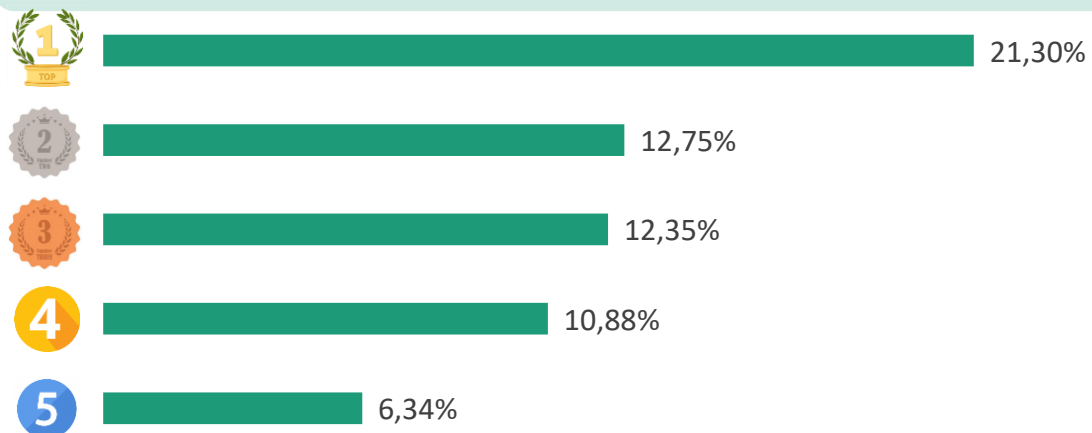
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **564** USD/tấn; tăng **7%** so với tháng trước và tăng **4%** so với cùng kỳ năm 2025.

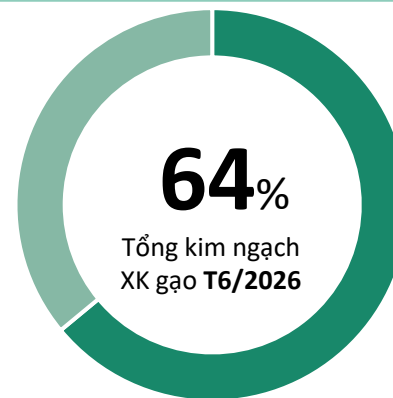


LÚA GẠO

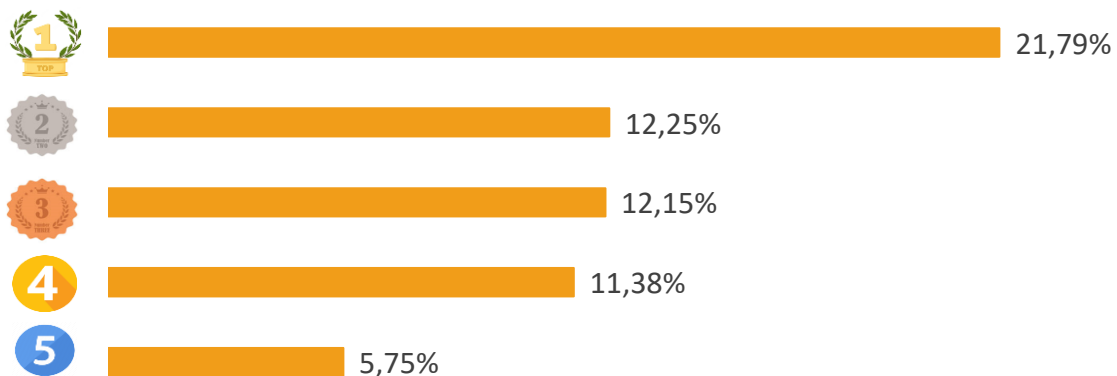
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



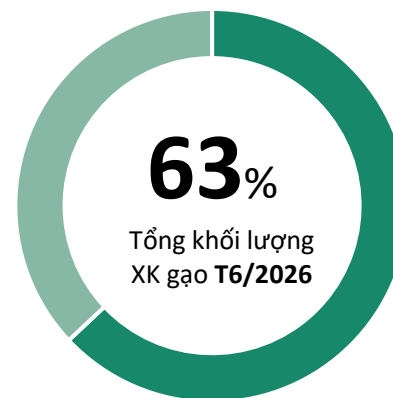
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T6/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) nâng dự báo nhập khẩu gạo của Trung Quốc năm 2026 từ 3,5 triệu tấn lên 3,9 triệu tấn, tăng 400.000 tấn so với dự báo tháng trước. Dự báo nhập khẩu năm 2027 cũng được điều chỉnh từ 3,3 triệu tấn lên 3,9 triệu tấn, tăng 600.000 tấn. Nguyên nhân chính của các điều chỉnh là nhu cầu mua gạo tấm của Trung Quốc cao hơn dự kiến.

Trong 4 tháng đầu năm 2026, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc tăng hơn 60% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó chủ yếu là gạo tấm. Loại gạo này thường được nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan với mức thuế tương đối thấp, khoảng 5–10%, và phần lớn được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Bên cạnh nhập khẩu, Chính phủ Trung Quốc cũng nổi lại việc bán đấu giá gạo dự trữ đã lưu kho trong thời gian dài để phục vụ ngành thức ăn chăn nuôi, sau khi hoạt động này tạm dừng từ năm 2023.

Nguồn: USDA



TIN LIÊN QUAN



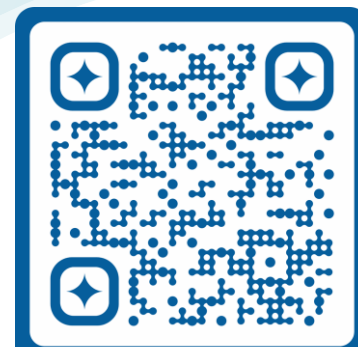
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo